

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **46/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/6/2022.

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Gia.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Thái Nguyên và ông Trương Trọng Lam.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang.

Đại diện VKSND huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Hiếu, kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2022 tại trụ sở TAND huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-DS ngày 07/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trần Lưu Thị Ngọc L**, sinh năm 1995; có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2. *Bị đơn:* **Phạm Văn Đ** sinh năm 1989; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn L trình bày:

Tôi và bị đơn Đ tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã H. Cuộc sống vợ chồng bình thường một thời gian đến năm 2019 (sinh con thứ 2) thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống về cách chăm con, tiền bạc... nên thường xuyên kình cãi. Năm 2020, tôi đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng qua hòa giải và vận động của gia đình hai bên nên vợ chồng quay lại sống chung. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, bị đơn có hành vi đánh tôi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 3/2021 đến nay, không ai qua lại, liên lạc gì với nhau, bị đơn cũng không thăm nom hay chu cấp gì

cho con chung. Để ổn định cuộc sống, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bị đơn.

Con chung: Có 02 con chung tên Phạm Hoàng T, sinh ngày 10/11/2016 và Phạm Ngọc An D, sinh ngày 10/8/2019. Từ khi ly thân đến nay, tôi là người trực tiếp nuôi 02 con chung. Ly hôn, tôi xin được tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi cháu T với mức 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 7/2022; tôi không yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu D.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/5/2022, bị đơn Đ trình bày: Vợ chồng kết hôn, sống chung và xảy ra mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày là đúng. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý. Vợ chồng có con chung Phạm Hoàng T, sinh năm 2016, hiện nay nguyên đơn đang nuôi, tôi đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T với số tiền và thời gian như nguyên đơn yêu cầu (*Riêng cháu D, nguyên đơn không đề cập đến*). Tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được vì vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn Trần Lưu Thị Ngọc L được ly hôn với bị đơn Phạm Văn Đ; Về con chung: Xác định nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Phạm Hoàng T, sinh ngày 10/11/2016 và Phạm Ngọc An D, sinh ngày 10/8/2019, giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Hoàng T với mức 2.000.000đ/tháng, bắt đầu từ tháng 7/2022 đến khi phát sinh một trong có điều kiện quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình, nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với con chung Phạm Ngọc An D nên không đề nghị xem xét; Tài sản và các nghĩa vụ về tài sản: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét; Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn nên quan hệ tranh chấp ly hôn. Bị đơn cư trú tại huyện Tây Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Tây Hòa theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn vì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, bị đơn có hành vi bạo lực gia đình đối với nguyên đơn, đã hòa giải nhưng không thay đổi; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm nhau. Nguyên đơn đã yêu cầu ly hôn tại Tòa án và rút đơn để đoàn tụ nhưng cả hai đều không khắc phục được mâu thuẫn; bị đơn thống nhất ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] *Con chung*: Nguyên đơn khai vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Hoàng T, sinh ngày 10/11/2016 và Phạm Ngọc An D, sinh ngày 10/8/2019; bị đơn khai vợ chồng có con chung Phạm Hoàng T, sinh năm 2016. Căn cứ Giấy khai sinh số 192 ngày 16/8/2019 thì xác định cháu Phạm Ngọc An D sinh ra trong thời kỳ hôn nhân, có mẹ là Trần Lưu Thị Ngọc L và cha là Phạm Văn Đ. Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt Thông báo số 75/TB-TA ngày 09/5/2022 về việc xác định hoặc không xác định cha, mẹ cho con nhưng bị đơn không có ý kiến gì, nên xác định cháu Phạm Ngọc An D là con chung của nguyên đơn và bị đơn.

[3.1] Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Phạm Hoàng T và Phạm Ngọc An D.

[3.1.1] Đối với cháu T: Bị đơn thống nhất giao cháu T cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nên ghi nhận ý kiến của bị đơn, giao cháu T cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.1.2] Đối với cháu D: Từ khi vợ chồng không sống chung với nhau, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu D còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung, nên giao cháu D cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.2] Cấp dưỡng nuôi con:

[3.2.1] Bị đơn thống nhất cấp dưỡng nuôi cháu T với số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 7/2022 theo yêu cầu của nguyên đơn, nên ghi nhận.

[3.2.2] Đối với cháu D: Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

[4] *Tài sản*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] *Án phí*: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 88, 89 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho nguyên đơn Trần Lưu Thị Ngọc L được ly hôn với bị đơn Phạm Văn Đ.

2. Con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Hoàng T, sinh ngày 10/11/2016 và Phạm Ngọc An D, sinh ngày 10/8/2019 cho nguyên đơn Trần Lưu Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc bị đơn Phạm Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Hoàng T với mức 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 7/2022 đến khi phát sinh một trong các điều kiện quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Ngọc An D.

Bị đơn Phạm Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục hai con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Nguyên đơn Trần Lưu Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Biên lai số 0002284 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn Phạm Văn Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Cao Gia